| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHI LĂNG**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hương Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Thu Huyền.

2. Ông Nông Ngọc Dung.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Xuân Phấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Huyền T, sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Huyền T trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn N kết hôn vào ngày 15 tháng 11 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tìm hiểu khoảng

05 tháng, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 07 năm, đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh N thường xuyên uống rượu, cờ bạc không chịu làm ăn lo toan gia đình, giúp đỡ vợ con, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không nghe mà có hành động chửi bới, dọa dẫm chị, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, chị vẫn cố gắng chịu đựng để nuôi dạy con cái phát triển kinh tế gia đình, nhưng do anh N vẫn tiếp tục mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy đá. Đến năm 2018 bị bắt về tội bắt người trái pháp luật và bị xử phạt 15 tháng tù, tháng 11 năm 2019 sau khi ra tù anh N vẫn không chịu tu chí làm ăn mà vẫn tiếp tục theo con đường tệ nạn xã hội cũ, dẫn đến vợ chồng tiếp tục cãi nhau, trong lúc nóng giận anh N còn cầm dao dọa giết chị. Do sợ hãi nên cuối tháng 12 năm 2019 chị đã bỏ về bên ngoại sinh sống từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2010; cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2014. Chị T yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị T cung cấp bảng xác nhận lương hàng tháng; Đơn đề nghị chia đất khi ly hôn đảm bảo để mẹ con sinh sống và không ảnh hưởng đến môi trường học tập của các con để chứng minh điều kiện về nuôi con chung và đơn xin xác nhận đóng góp các khoản học phí cho con.

Về tài sản chung: Theo lời khai của chị T trong cuộc sống vợ chồng không tạo lập được khối tài sản chung.

Ý kiến của cháu Hoàng Đức D và cháu Hoàng Gia B: 02 cháu đều có nguyện vọng mong muốn bố mẹ quay về đoàn tụ nuôi dạy các cháu, nếu buộc phải ly hôn thì hai cháu có nguyện vọng xin ở với mẹ.

Ông Hoàng Văn D bố đẻ của anh Hoàng Văn N trình bày: Năm 2010 vợ chồng anh N, chị T sinh con là cháu Hoàng Đức D thì chị T thường xuyên về bên ngoại nên anh N nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T có làm đơn ly hôn, sau đó hai vợ chồng quay về chung sống. Đến năm 2014 chị T có bầu cháu thứ hai được khoảng 6 tháng thì bỏ về bên ngoại sinh sống và sinh cháu Hoàng Gia B, sau đó lại quay về đoàn tụ. Đến năm 2018 vợ chồng tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vậy chị T bỏ về bên ngoại, hai vợ chồng anh N, chị T đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông mong muốn chị T suy nghĩ quay về đoàn tụ. Nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh N, ông đã đưa cho anh N nhưng ông không ép anh N đến Tòa án được.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn N cố tình vắng mặt không có lý do nên Toà án không lấy được ý kiến lời khai của anh N về yêu cầu đối với ly hôn, con chung và tài sản chung. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ nhưng anh N không có mặt nên đã thông báo kết quả cho anh N được biết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Huyền T, xử cho chị Hoàng Thị Huyền T ly hôn với anh Hoàng Văn N và chị Hoàng Thị Huyền T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Hoàng Đức D; cháu Hoàng Gia B cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Chị Hoàng Thị Huyền T giao nộp chứng cứ cho Toà án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy tờ tuỳ thân, giấy khai sinh của hai con chung; đơn đề nghị chia đất; đơn xin xác nhận đã đóng góp các khoản phí học cho các con; xác nhận lương.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án không tiến hành hoà giải được do anh Hoàng Văn N được thông báo hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình không đến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Hoàng Văn N vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Kiểm sát viên, nguyên đơn không có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị đơn và yêu cầu phiên toà được tiếp tục. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Huyền T và anh Hoàng Văn N kết hôn vào ngày 15 tháng 11 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã và nghi ngờ nhau, anh chị đã không còn sống chung từ năm 2018, việc này đã được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời trình bày của ông Hoàng Văn D là bố đẻ của anh N. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Hoàng Thị Huyền

T và anh Hoàng Văn N đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Hoàng Thị Huyền T yêu cầu ly hôn với anh Hoàng văn N là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị Huyền T và anh Hoàng Văn N có 02 con chung cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2010; cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2014. Chị T yêu cầu được nuôi cả 02 con. Xét yêu cầu của chị T về người trực tiếp nuôi cả hai cháu khi ly hôn là có căn cứ vì chị T đã cung cấp mức thu nhập ổn định hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, gia đình bên ngoại hỗ trợ chị về chỗ ở gần với trường học nơi các con chị đang theo học do đó việc giao các con cho chị T sẽ đảm bảo được về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập cho các cháu, việc này phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Đối với anh Hoàng Văn N: Theo lời khai của ông Hoàng Văn D và biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã Y thì anh N hiện tại không có công ăn việc làm, không có thu nhập hàng tháng, nên không đủ điều kiện nuôi các con.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Huyền T. Xử cho chị Hoàng Thị Huyền T ly hôn với anh Hoàng Văn N.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Huyền T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2010; cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2014, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị

Hoàng Thị Huyền T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003159 ngày 02/11/2021.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã Y, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Hương Giang**